

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115 /2024/DS-ST

Ngày: 14 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Anh Dũng

Ông Nguyễn Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1087/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn số 1057/2024/QĐST - DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Số D N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Nguyễn Quang T (sau đây gọi là nguyên đơn) trình bày:

Ông T và bà T1 có quen biết nhau từ trước, bà T1 có liên hệ ông T yêu cầu mượn tiền để nhập máy lạnh về lắp ráp cho khách bán kiếm lời, theo đó:

Ngày 31/5/2023 bà T1 đến tại nhà ông T, ông T có cho bà T1 mượn số tiền 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) theo giấy mượn

tiền do các bên ký kết cùng ngày. Thời hạn cho mượn tiền trong vòng 03 tháng kể từ ngày 31/5/2023 đến ngày 30/8/2023, hết thời hạn bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông T toàn bộ số tiền 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Ngày 30/8/2023, ông T có liên lạc yêu cầu bà T1 trả toàn bộ tiền mượn đến hạn trả nhưng bà T1 không trả vì chưa có tiền. Tính đến ngày 30/10/2023, ông T đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T1 trả tiền nhưng đều không nhận được hồi đáp, đến nay ông T đã không thể liên hệ bà T1 bằng bất kỳ hình thức nào.

Ngày 10/11/2023, ông T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả lại cho ông số tiền 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ bản tự khai tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, thủ tục hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 31/5/2023 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị Thu T1 thể hiện bà T1 có vay của ông T số tiền 156.000.000 đồng. Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bà T1 trả cho ông T số tiền gốc là 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng). Về tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:* Ông Nguyễn Quang T khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu đòi lại số tiền gốc đã cho vay. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định ông T là nguyên đơn; bà T1 là bị đơn. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 có địa chỉ thường trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Quang T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả số tiền nợ gốc 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; phía bị đơn bà T1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã xác minh đúng địa chỉ của bà T1 (bút lục B). Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1 không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông T về tiền gốc: Ông T cho bà Nguyễn Thị Thu T1 vay là có thỏa thuận bằng giấy mượn tiền đề ngày 31/5/2023, có thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 31/5/2023 đến ngày 30/8/2023 (bút lục 08). Về yêu cầu lãi: Do nguyên đơn ông Nguyễn Quang T không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 trả lãi nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến các đương sự tại phiên tòa:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền gốc là 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu

người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền tạm ứng án phí 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009857 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Bảo